

Bản án số: 72/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 02-6-2022

V/v Ly hôn, Tranh chấp nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Long

Ông Lý Đình Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2022/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 03 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2022/QĐ-ST ngày 27/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16/5/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn M, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Anh Nguyễn Văn M ủy quyền cho chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1995; địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh 1994 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn M, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ).

Địa chỉ cuối cùng của chị L tại Việt Nam: Thôn M, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 08/3/2022, nguyên đơn anh Nguyễn Văn M trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị L có đăng ký kết hôn ngày 01/10/2014 tại UBND xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vợ chồng anh đến với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Hai vợ chồng tổ chức lễ cưới đông vui dưới sự chúc phúc của họ hàng hai bên gia đình. Tuy nhiên, sau thời gian chung sống thì hai vợ chồng không hợp nhau, có nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân là do hai bên không có tiếng nói chung, bất đồng về quan điểm sống, không bên nào chịu nhường bên nào. Anh hiện đang làm công nhân ở gần nhà. Vợ anh hiện đang sinh sống và lao động bên Đài Loan, tuy nhiên anh có gọi cho chị L nhưng chị L không nghe máy, cố tình trốn tránh không cung cấp địa chỉ cụ thể ở bên Đài Loan cho anh. Nhưng chị L vẫn liên lạc và nói chuyện với bố mẹ đẻ của chị L là ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị L ở tại thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và đời sống chung không thể kéo dài nên tôi đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

Về con chung: Vợ chồng anh, chị có hai con chung là Nguyễn Minh H, sinh ngày 10/7/2015 và Nguyễn Minh C, sinh ngày 20/7/2017. Hiện nay hai cháu đang ở với anh tại thôn M, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Khi ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao hai con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000đ/tháng/1 con chung. Tuy nhiên, tại đơn đề nghị ngày 01/6/2022, anh M trình bày anh xin thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/01 tháng đối với hai con (mỗi con chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/01 tháng/01 con chung).

Ngoài ra, anh M ủy quyền cho chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1995; địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Thay mặt anh đến Tòa án nộp tài liệu, giấy tờ, nộp tạm ứng án phí, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, có trách nhiệm thông báo lại cho anh. Do bận công việc nên anh xin vắng mặt trong tất cả các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên xét xử của Tòa án.

Về tài sản, công nợ: Anh chị không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Cháu Nguyễn Minh H trình bày: Cháu là con của bố Nguyễn Văn M và mẹ Nguyễn Thị L. Hiện nay cháu và em trai đang ở cùng với bố là Nguyễn Văn M. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu xin được ở với bố vì điều kiện học tập, sinh sống và tinh thần của cháu được đảm bảo đầy đủ về mọi mặt.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Lan không có bản tự khai.

Ngày 31/3/2022 và ngày 07/4/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với bố đẻ của chị Nguyễn Thị L là ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1971; trú tại: Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang để giao Thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu ông N thông báo cho chị L biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị L; yêu cầu chị L viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu ông N cung cấp địa chỉ cụ thể của chị L ở nước ngoài. Tuy nhiên, qua hai lần làm việc ông N vẫn giữ nguyên quan điểm là chị L ở nước ngoài vẫn thường xuyên

liên lạc về cho gia đình nhưng chị L không cung cấp địa chỉ cụ thể của chị L ở nước ngoài nên ông cũng không có địa chỉ để cung cấp cho Tòa án. Ông đã thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị L biết để chị L gửi lời khai về. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của chị L gửi về.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn M vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Nguyễn Thị L vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh M; Biên bản làm việc với bố đẻ của chị L là ông Nguyễn Văn N và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Đối với nguyên đơn anh Nguyễn Văn M có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chị L không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với chị L; Căn cứ vào quy định của pháp luật xét xử vắng mặt chị L là đúng.

-Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 53, 56; Điều 81, 82, 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn M. Xử cho anh Nguyễn Văn M được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 10/7/2015 và Nguyễn Minh C, sinh ngày 20/7/2017 cho anh Nguyễn Văn M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh M số tiền 1.000.000 đồng/01tháng/01 con chung kể từ tháng 6 năm 2022 cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Văn M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Nguyễn Văn M là nguyên đơn có đơn xin ly hôn chị Nguyễn Thị L, chị L hiện đang lao động tại nước

ngoài nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn số 5459/QLXNC - P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 18/3/2022 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an), chị L xuất cảnh ngày 16/3/2020 hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước, địa chỉ cuối cùng của chị L ở Việt Nam là: Thôn M xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Do vụ án có một bên đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1]. Về việc vắng mặt đương sự: Anh Nguyễn Văn M là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn M.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với bố đẻ của chị L là ông Nguyễn Văn N để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu ông Như thông báo cho chị L biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị L, yêu cầu ông Như cung cấp địa chỉ cụ thể của chị L ở nước ngoài. Ông Nguyễn Văn N trình bày: chị L vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà ông Như vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của chị L cho Tòa án. Ông N cho biết đã thông báo nội dung Thông báo về việc thụ lý vụ án cho chị L được biết và yêu cầu chị L gửi bản tự khai về cho Tòa án nhưng cho đến nay, Tòa án vẫn không nhận được bản tự khai do chị L gửi về. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị L theo thủ tục C.

[3]. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị L kết hôn ngày 01/10/2014 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình C sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và đời sống chung không thể kéo dài nên anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh M, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn anh M, chị L chung sống hòa thuận thời gian ngắn. Sau đó hai vợ chồng không hợp nhau, có nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân là do hai bên không có tiếng nói chung, bất đồng về quan điểm sống, không bên nào chịu nhường bên nào. Năm 2020, chị L đi xuất khẩu lao động, hiện nay đang sinh sống và lao động tại Đài Loan. Theo anh M trình bày: anh M có gọi cho chị L nhưng chị L không nghe máy, cố tình trốn tránh không cung cấp địa chỉ cụ thể ở bên Đài Loan cho anh. Anh không thể liên lạc được với chị L, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị L. Như vậy, anh

M, chị L có thời gian dài từ năm 2020 đến nay vợ chồng không liên lạc, mỗi người sống một nơi, xa cách về địa lý và không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa, xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh M và chị L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn M. Xử cho anh Nguyễn Văn M được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

[4]. Về nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị L có 02 con C là cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 10/7/2015 và Nguyễn Minh C, sinh ngày 20/7/2017. Hiện hai cháu đang ở cùng với anh M. Ly hôn anh M đề nghị được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung 2.000.000 đồng/tháng/02 con (mỗi con C là 1.000.000đ/tháng/1con chung (theo đơn đề nghị ngày 01/6/2022).

[4.1]. Xét yêu cầu nuôi con chung của anh M: Hội đồng xét xử thấy hiện chị L đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị Nguyễn Thị L từ khi đi nước ngoài thì cháu H, cháu C vẫn do anh M là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu phát triển bình thường, được đi học đầy đủ. Mặt khác, cháu H có đơn trình bày muốn ở cùng với bố. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn M về nuôi con chung. Giao cho anh M là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Minh H, sinh ngày 10/7/2015 và Nguyễn Minh C, sinh ngày 20/7/2017 đến khi hai con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật là phù hợp điều kiện thực tế và nguyện vọng của con chung. Sau khi ly hôn chị L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị L thực hiện quyền này.

Trường hợp chị L về Việt Nam có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[4.2]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại đơn khởi kiện, bản tự khai anh M đề nghị chị L cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh với mức cấp dưỡng 1.500.000đồng/01 con chung /01 tháng. Tuy nhiên, tại đơn đề nghị ngày 01/6/2022, anh M trình bày anh xin thay đổi yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con, anh đề nghị chị L cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh với mức là 2.000.000 đồng/01 tháng đối với hai con (mỗi con chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/01 tháng/01 con chung).

Xét yêu cầu về mức cấp dưỡng nuôi con chung của anh M. Hội đồng xét xử thấy: Nghĩa vụ nuôi con chung là thuộc về cha mẹ, chị L đang lao động nước ngoài có thu nhập, theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình quy định: “cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Mặt khác, hiện nay các con chung của anh M, chị L đang ở độ tuổi đi học, để các con được học tập và phát triển bình thường cũng như nhu cầu thiết yếu của các con thì yêu cầu

của anh M buộc chị L cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/01 tháng/01 con là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Nên căn cứ khoản 2 Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân gia đình. Buộc chị L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh M, mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/01 tháng/01 con từ khi xét xử sơ thẩm tháng 6 năm 2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật.

[5]. Về tài sản, công nợ: anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn M phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con C theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn M được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

2. Về con C: Giao cho anh Nguyễn Văn M là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con C là cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 10/7/2015 và Nguyễn Minh C, sinh ngày 20/7/2017 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Chị Nguyễn Thị L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị L thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng anh Nguyễn Văn M số tiền 1.000.000 đồng/01 tháng/1 con chung. (Tổng là 2.000.000 đồng/01 tháng/02 con chung). Thời gian cấp dưỡng từ

tháng 6 năm 2022 đến khi hai con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án. Nếu bên phải thi hành không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn M phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000331 ngày 09/03/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh M đã nộp đủ.

Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Nguyễn Văn M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Chị Nguyễn Thị L hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã C, huyện L;
- Công TTĐT Tòa án nhân dân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Long Lý Đình Đạt

Hoàng Thị Thu Hiền

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
-UBND xã Chu Điện, Lục Nam;
-Công TTĐT Tòa án nhân dân;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thu Hiền

